TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10- 6-2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diễm Chi;
2. Ông Nguyễn Văn Chín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 (có mặt).
Trú tại: Tổ M, thôn Đ, xã Q, huyện V, Bình Định.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1984 (vắng mặt lần 2).
Trú tại: Thôn Th, xã T1, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Phạm Văn L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống Việt Nam, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 vào ngày 25/4/2008.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu say về sinh sự đánh đập chị nhiều lần, vì con chị vẫn bỏ qua nhiều lần, chịu đựng để tiếp tục chung sống, cho anh L cơ hội cải sửa tính tình nhưng anh L vẫn chứng nào tật ấy. Mâu thuẫn không được giải quyết nên ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Hoàng N (nữ) sinh ngày 31/01/2009 và Phạm Hoàng Phương N1 (nữ) sinh ngày 08/4/2016. Hai con khi nay ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phạm Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với chị Nguyễn Thị D trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là đôi khi anh uống rượu về nhà bị vợ cằn nhằn, trong lúc nóng giận có đánh (tát tai) chị D mấy lần. Từ tháng 9//2019 đến nay vợ chồng đã ly thân. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, anh xin Tòa cho thời gian để hòa giải với vợ cùng chung sống nuôi con.

Về con chung: 2 con chung tên Phạm Thị Hoàng N (nữ) sinh ngày 31/01/2009 và Phạm Hoàng Phương N1 (nữ) sinh ngày 08/4/2016, 2 con khi nay ở với chị D. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu gì về con chung, theo yêu cầu của chị D.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến: việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ các quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Văn L, bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh L; về con chung: giao 02 con chung Phạm Thị Hoàng N (nữ) sinh ngày 31/01/2009 và Phạm Hoàng Phương N1 (nữ) sinh ngày 08/4/2016 cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành (nguyện vọng của cháu Phạm Thị Hoàng N là được tiếp tục sống cùng mẹ); cấp dưỡng nuôi con: vì chị D không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* ***Về tố tụng***: anh Phạm Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* ***Về nội dung*:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào ngày 25/4/2008 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh L thường uống rượu say về sinh sự rồi đánh đập chị D nhiều lần, mặc dù đã cho nhau cơ hội để cải sửa tính tình nhưng anh L vẫn tính nào tật ấy. Từ tháng 9/2019 vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau; hạnh phúc không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Anh L không có phương án thuyết phục chị D, mặc đù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa là thể hiện việc không xem trọng cuộc hôn nhân này. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị D yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng anh L vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình; chị D vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn nên yêu cầu đoàn tụ của anh L không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Hoàng N (nữ) sinh ngày 31/01/2009 và Phạm Hoàng Phương N1 (nữ) sinh ngày 08/4/2016. Hai con chung hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn chị D anh L thống nhất giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng chăm sóc. Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận này là phù hợp với nguyện vọng của cháu Phạm Thị Hoàng N (được tiếp tục sống cùng mẹ), phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[3] *Về tài sản chung*: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] *Về án phí ly hôn sơ thẩm***:** Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần buộc chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006541 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị D đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Văn L. Bác yêu cầu không đồng ý ly hôn của anh Phạm Văn L vì không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Thị Hoàng N (nữ) sinh ngày 31/01/2009 và Phạm Hoàng Phương N1 (nữ) sinh ngày 08/4/2016 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu anh Phạm Văn L cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006541 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị D đã nộp đủ án phí.

3. Chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam